

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/No: 0488/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10
Product name: NPK CÀ MAU GOLD 20-10-10
- Khối lượng: 519.50 tấn
Quantity: 519.50 Tons
- Thông tin sản phẩm:
 - NPK Cà Mau Gold 20-10-10 bao 50Kg : 334.00 tấn
 - NPK Cà Mau Gold 20-10-10 bao 25Kg : 185.50 tấn
 - NSX: 18/06/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX
 - Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 23/06/2025 07:34:19
Time of inspection: 23/06/2025 07:34:19
- Giám định viên: Nguyễn Đỗ Quốc Hòa, Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc
Inspector: Nguyễn Đỗ Quốc Hòa, Phan Hữu Lợi, Trần Bửu Lộc
- Nội dung giám định: Theo TCCS 68:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 68:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	20	19.11	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	10	9.56	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	10	9.77	
4	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	2	1.06	
5	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	100	246.25	
6	Bo (B)	TCVN 13263-8:2020	ppm	100	183.0	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 68:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 68:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 26/06/2025 14:04:58

Tổ chức xác thực: PVCFC CA